



Original Article

Developing Border Gate Economic Zones: Current Situations and Proposed Solutions

Le Tuan Hung*

*Nam Thai Veterinary Pharmaceutical Co., Ltd.,
Lot 3 CN 6, Ngoc Hoi Industria Park, Ngoc Hoi Ward, Thanh Tri District, Hanoi, Vietnam*

Received 20 March 2019

Revised 28 March 2019; Accepted 28 March 2019

Abstract: The development of border gate economic zones is not only an important driving force for economic development in border areas but also contributes to the national economic development. In this paper, the development is viewed in the way that it does not indicate a need for a rapid increase in the number of economic zones but rather an improvement of quality of economic activities in the border gate economic zones. This paper analyzes the conditions and content of the border gate economic zone development, introducing models of border gate economic zones that can be applied, thereby suggesting solutions to promote the development of Vietnam's border gate economic zones in the future.

Keywords: Border gate economic zone, operational contents, border gate economic zone model.

* Corresponding author.

E-mail address: letuanhung1983@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnueab.4210>



Phát triển các khu kinh tế cửa khẩu ở Việt Nam: Thực trạng, mô hình và giải pháp

Lê Tuấn Hùng*

*Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thuốc Thú y Năm Thái,
Lô 3 CN 6 Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 20 tháng 3 năm 2019

Chỉnh sửa ngày 28 tháng 3 năm 2019; Chấp nhận đăng ngày 28 tháng 3 năm 2019

Tóm tắt: Việc hình thành và phát triển các khu kinh tế cửa khẩu (KTCK) không chỉ là động lực quan trọng đối với sự phát triển KTCK, phát triển kinh tế địa phương vùng biên giới mà còn góp phần phát triển kinh tế quốc gia. Xem xét trên quan điểm phát triển khu KTCK không đồng nghĩa với tăng nhanh số lượng các khu KTCK, mà phát triển và nâng cao chất lượng các hoạt động kinh tế tại các khu KTCK, bài viết phân tích các điều kiện, nội dung phát triển khu KTCK, cũng như chỉ ra các mô hình có thể áp dụng đối với khu KTCK, từ đó gợi ý một số giải pháp nhằm đẩy mạnh sự phát triển và nâng cao chất lượng hoạt động của các khu KTCK ở Việt Nam trong thời gian tới.

Từ khóa: Khu kinh tế cửa khẩu, mô hình khu kinh tế cửa khẩu, Việt Nam.

1. Đặt vấn đề

Kể từ khi thành lập đến nay, các khu KTCK đã có những đóng góp rất lớn đối với sự phát triển kinh tế của các tỉnh biên giới. Sự phát triển của các khu KTCK tác động đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội đất nước nói chung và các tỉnh biên giới nói riêng. Nhờ việc hình thành và phát triển các khu KTCK, tiềm năng và ưu thế của các địa phương biên giới đã được phát huy; hoạt động giao lưu, buôn bán với các địa phương của các nước láng giềng đã được mở rộng; từ đó góp phần cải thiện chất lượng cuộc

sống người dân địa phương và các khu vực lân cận, cải thiện cơ sở hạ tầng, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Chính vì vậy, việc phát triển các khu KTCK là một trong những yêu cầu quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam hiện nay.

2. Khái quát về hoạt động của các khu kinh tế cửa khẩu ở Việt Nam

2.1. Quá trình hình thành các khu kinh tế cửa khẩu ở Việt Nam

Từ năm 1996, Chính phủ bắt đầu tiến hành thí điểm xây dựng Khu kinh tế Móng Cái thông qua việc phê duyệt một số cơ chế ưu đãi cho khu kinh tế này. Trên cơ sở khu kinh tế Móng

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: letuanhung1983@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnueab.4210>

Cái, năm 1998, Chính phủ tiến hành thí điểm ở quy mô rộng hơn với việc phê duyệt chính sách ưu đãi cho Khu KTCK Mộc Bài và Khu thương mại Lao Bảo. Đây là lần đầu tiên, tên gọi khu KTCK được sử dụng một cách chính thức. Tuy nhiên, khái niệm về khu KTCK vẫn chưa được xác định. Năm 2001, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 53/2001/QĐ-TTg về chính sách đối với khu KTCK biên giới. Tháng 10/2005, Chính phủ chính thức cho phép thành lập khu bảo thuế trong khu KTCK, cam kết sẽ hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách địa phương trong công tác phát triển cơ sở hạ tầng của khu KTCK. Ngày 24/8/2006, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 78/2006/TT-BTC hướng dẫn chế độ tài chính áp dụng tại các khu KTCK biên giới do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý. Đầu năm 2008, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Quy hoạch phát triển các khu KTCK của Việt Nam đến năm 2020”. Theo đó, đến năm 2020, cả nước có 30 khu KTCK, trong đó hình thành thêm 7 khu KTCK mới trên các khu vực biên giới; xây dựng đồng bộ về kết cấu hạ tầng, mô hình tổ chức quản lý, cơ chế, chính sách cho 9 khu KTCK: Móng Cái, Lào Cai, Lạng Sơn, Khu kinh tế thương mại đặc biệt Lao Bảo, Khu KTCK Cầu Treo, Bờ Y, Mộc Bài, An Giang và Đồng Tháp để đến năm 2020, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ qua biên giới Việt Nam với các nước láng giềng đạt 42-43 tỷ USD [1]. Tính đến nay, Việt Nam đã có 21 trong tổng số 25 tỉnh biên giới đất liền có khu KTCK với khoảng 800 dự án đầu tư, với số vốn đăng ký đầu tư trên 70.000 tỷ đồng.

2.2. Vai trò của các khu kinh tế cửa khẩu ở Việt Nam

Nhìn chung, sau hơn 20 năm hình thành và phát triển khu KTCK, các khu KTCK đã thể hiện vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế của các địa phương có khu KTCK nói riêng và của cả nước nói chung. Theo đánh giá của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các khu KTCK đã góp phần đẩy mạnh thu hút đầu tư, mở rộng quy mô thị trường, tăng cường giao lưu hàng hóa, kích thích sản xuất và tăng tính cạnh tranh cho các sản phẩm hàng hóa [2]. Bên cạnh đó, các khu KTCK đã thu hút đầu tư khá mạnh mẽ của các

nhà đầu tư trong nước cũng như các nhà đầu tư nước ngoài.

Kể từ khi hình thành đến nay, một số khu KTCK đã bắt đầu đi vào hoạt động, trở thành cửa ngõ thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu và xuất cảnh quan trọng như: Móng Cái (Quảng Ninh), Lào Cai, Đồng Đăng (Lạng Sơn)... Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu tăng trưởng cao qua các năm. Đồng thời, các khu KTCK đóng vai trò quan trọng trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển các ngành thương mại, dịch vụ, du lịch, công nghiệp, hỗ trợ phát triển đối với dịch vụ trong nước thông qua đẩy mạnh giao lưu kinh tế đối với các nước láng giềng, từ đó tạo động lực tăng trưởng kinh tế cho các tỉnh biên giới. Các khu kinh tế cũng khẳng định rõ vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng tại các tỉnh miền núi, biên giới. Một số vai trò và lợi thế nổi bật của các khu KTCK đã được ghi nhận như sau:

Thứ nhất, góp phần thúc đẩy mở rộng thị trường xuất nhập khẩu hàng hóa. Do vậy, việc quan tâm triển khai hiệu quả các chính sách ưu đãi sẽ thu hút sự quan tâm đầu tư của doanh nghiệp hai bên, nâng cao sức cạnh tranh của hàng hóa, dịch vụ trao đổi; thúc đẩy quá trình chuyển dịch nền kinh tế tự cung tự cấp sang nền kinh tế sản xuất hàng hóa, tạo ra sự phát triển ở các vùng để hình thành khu vực thị trường rộng lớn có khả năng thu hút và thâm nhập với các khu vực thị trường khác. Sự phát triển của thị trường nhờ các khu KTCK cũng đem lại nhiều cơ hội việc làm cho người lao động ở khu vực cửa khẩu và các vùng lân cận. Trao đổi thương mại thông qua các khu KTCK theo đó gia tăng, góp phần phát triển sản xuất trong nước [3].

Thứ hai, thúc đẩy phát triển công nghiệp, dịch vụ, du lịch và hoàn thiện kết cấu hạ tầng khu vực cửa khẩu, biên giới; tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư; phát triển khoa học công nghệ; hợp tác liên doanh, chuyên giao công nghệ với các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Thực tế cho thấy, các khu kinh tế cửa khẩu cũng góp phần đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn của các tỉnh miền núi, biên giới; tạo thêm nhiều

ngành công nghiệp, dịch vụ, thu hút lao động nông nghiệp... Thông qua hoạt động của các khu KTCK, sản phẩm nông nghiệp Việt Nam đã chiếm lĩnh thị phần của nhiều thị trường; người nông dân có cơ hội nắm bắt, mua sắm, sử dụng thiết bị, vật tư, giống cây trồng, vật nuôi có chất lượng cao để phát triển nông nghiệp...

Thứ ba, góp phần tăng trưởng kinh tế, xóa đói giảm nghèo; thúc đẩy hợp tác kinh tế - thương mại, xây dựng mối quan hệ hữu nghị bền vững với nước bạn. Sự hình thành và phát triển của các khu KTCK thúc đẩy phát triển các ngành nghề sản xuất, chuyên dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm và thu nhập cho người dân, góp phần xóa đói giảm nghèo, đời sống nhân dân theo đó từng bước được nâng lên [6]. Sự phát triển khu KTCK còn tạo điều kiện hình thành các khu dân cư tập trung dọc biên giới, góp phần đẩy mạnh giao lưu kinh tế văn hóa, quốc phòng an ninh khu vực biên giới, thắt chặt tình hữu nghị giữa các quốc gia, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập kinh tế khu vực và thế giới.

3. Thực trạng phát triển các khu kinh tế cửa khẩu ở Việt Nam

Như trên đã ở nêu, phát triển các khu KTCK không nên hiểu là tăng số lượng các khu KTCK, mà là đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các hoạt động kinh tế tại các khu KTCK đó. Theo quan điểm đó, nội dung của phát triển các khu KTCK bao gồm:

3.1. Đẩy mạnh thu hút và phát triển các hoạt động đầu tư

Nội dung của thu hút đầu tư nhằm phát triển các khu KTCK gồm hai khía cạnh: Thu hút đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng và thu hút đầu tư vào sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại các khu KTCK. Việc phát triển các hoạt động đầu tư tại các khu KTCK còn bao hàm cả việc đẩy mạnh thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Thứ nhất, thu hút đầu tư cho phát triển cơ sở hạ tầng. Đây là vấn đề cần quan tâm để phát triển các khu KTCK. Hiện nay, việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu KTCK phần lớn lấy từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, phần còn lại

từ ngân sách địa phương để xây dựng các khu chức năng của khu KTCK. Nguồn vốn này chủ yếu được dùng để giải phóng mặt bằng, xây dựng đường giao thông, công trình thoát nước, điện chiếu sáng, bãi kiểm tra hàng hóa, khu nhà điều hành và xây dựng hạ tầng khu thương mại - công nghiệp phục vụ sản xuất, kinh doanh tại khu KTCK. Tuy nhiên, do hạ tầng tại các khu KTCK thường có quy mô đầu tư lớn và là các công trình công cộng, ít có khả năng thu hồi vốn nên các nhà đầu tư không mặn mà đầu tư vào cơ sở hạ tầng.

Thứ hai, thu hút đầu tư cho phát triển sản xuất tại các khu công nghiệp hoặc đầu tư kinh doanh thương mại, dịch vụ. Hoạt động của các khu KTCK được đánh giá là nhộn nhịp hay không, có tác động tích cực đến phát triển kinh tế địa phương hay không, phụ thuộc rất lớn vào số lượng, quy mô các dự án đầu tư sản xuất công nghiệp hay kinh doanh thương mại, dịch vụ. Mặt khác, đây là các hoạt động đầu tư sinh lợi nên dễ kêu gọi đầu tư. Tuy nhiên, quy mô và tốc độ đầu tư còn phụ thuộc vào sự hấp dẫn của địa điểm đầu tư.

Trong thời gian qua, để đẩy mạnh thu hút đầu tư sản xuất, kinh doanh vào các khu KTCK, Chính phủ đã có nhiều cơ chế ưu đãi như dự án đầu tư vào khu KTCK được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong 15 năm, miễn thuế trong 4 năm và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo; được miễn thuế nhập khẩu tạo tài sản cố định và miễn thuế nhập khẩu 5 năm đầu đối với nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất nhập khẩu để phục vụ sản xuất; và một số ưu đãi khác như thuế đất đai, thuế xuất nhập khẩu, thuế thu nhập cá nhân... Chính vì vậy, việc thu hút đầu tư vào các khu KTCK đã có sự cải thiện đáng kể. Đến cuối năm 2018, các khu KTCK trên cả nước đã thu hút được khoảng 800 dự án đầu tư, trong đó có 700 dự án đầu tư trong nước với số vốn đăng ký đầu tư trên 50.000 tỷ đồng, và khoảng 100 dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài với tổng số vốn đăng ký là 700 triệu USD.

Tuy nhiên, trong quá trình phát triển của các khu KTCK vẫn bộc lộ một số vướng mắc như: chưa có chính sách ưu đãi đột phá đối với nhà đầu tư các khu KTCK và doanh nghiệp đầu

tư; thiếu sự ổn định trong các cơ chế, chính sách tài chính... Mặt khác, do các khu KTCK thường nằm tại các địa phương, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn nên chủ yếu vẫn dựa vào nguồn ngân sách trung ương để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, dẫn đến nguồn vốn phát triển hạ tầng luôn “thiếu trước hụt sau”. Hiện tại, tính trung bình nhu cầu nguồn vốn ngân sách trung ương cho đầu tư cơ sở hạ tầng tại các khu KTCK hàng năm khoảng 1.500-1.700 tỷ đồng, trong khi hỗ trợ mới đạt khoảng 600-700 tỷ đồng/năm.

Đồng thời, một số khu KTCK còn thiếu quy hoạch chung, dẫn đến các dự án đầu tư xây dựng được lập chỉ dựa vào quy hoạch chi tiết các khu chức năng nên có hiện tượng đầu tư dàn trải, thiếu sự đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội. Quy mô nguồn vốn còn nhỏ nên cơ sở hạ tầng tại các khu KTCK chưa được đầu tư đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển.

Bên cạnh đó, các khu KTCK thường nằm tại các địa phương, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn nên chủ yếu vẫn dựa vào nguồn ngân sách trung ương để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng. Vì thế, việc triển khai xây dựng kết cấu hạ tầng còn chậm và chưa đồng bộ.

Việc thu hút đầu tư sản xuất, kinh doanh vào các khu KTCK gặp nhiều khó khăn do các cơ chế, chính sách tài chính đối với khu KTCK được xây dựng dựa trên các văn bản quy phạm pháp luật thiếu sự ổn định, dẫn đến một số khu KTCK hoạt động kém hiệu quả. Ví dụ, các Khu kinh tế - thương mại đặc biệt Lao Bảo (Quảng Trị), Khu kinh tế Bờ Y (Kon Tum) và khu KTCK Cầu Treo (Hà Tĩnh) từng được coi là cơ hội làm giàu cho các nhà đầu tư với hoạt động giao thương sầm uất, tuy nhiên hiện nay tình hình hoạt động tại các khu KTCK này khá ảm đạm, nhiều nhà đầu tư, doanh nghiệp đóng cửa, rút lui.

Các dự án đầu tư nước ngoài vào các khu KTCK còn quá ít, quy mô của các dự án còn khiêm tốn, chưa tương xứng với tiềm năng phát triển. Cùng với đó, cơ sở hạ tầng vật chất kỹ thuật tại các khu KTCK tuy có nhiều thay đổi nhưng vẫn còn thiếu về số lượng và yếu về quy mô, chất lượng, chưa đồng bộ nên chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển và hợp tác. Các

khu KTCK chưa huy động được các nguồn vốn khác để đầu tư cơ sở hạ tầng như trái phiếu chính phủ, ODA, hình thức hợp tác công tư (PPP).

3.2. Phát triển giao lưu kinh tế qua biên giới

Khu KTCK được hình thành gắn với cửa khẩu quốc tế hoặc cửa khẩu chính nên hoạt động KTCK chủ yếu là giao lưu kinh tế qua biên giới. Phát triển giao lưu kinh tế qua biên giới nhằm khai thác các tiềm năng và nguồn lực, mà trọng tâm là hình thành một khu vực đầu mối giao lưu thương mại trên biên giới đất liền, không chỉ bao gồm xuất nhập khẩu hàng hóa của các doanh nghiệp, mà còn bao gồm các hoạt động buôn bán, trao đổi hàng hóa của dân cư biên giới tại các cửa khẩu phụ, lối mờ, các chợ biên giới, xuất nhập khẩu dịch vụ và phát triển các dịch vụ hỗ trợ thương mại biên giới... [4]. Hoạt động giao lưu kinh tế qua biên giới càng phát triển thì càng thu hút dân cư đến làm ăn, sinh sống, người dân gắn bó với khu vực biên giới, an ninh quốc phòng càng được củng cố, giữ vững. Tuy nhiên, quá trình quản lý, điều hành hoạt động các khu KTCK liên quan đến nhiều thông lệ quốc tế, các thỏa thuận hợp tác kinh tế qua biên giới của hai nước, điều kiện thực tế của cửa khẩu và địa phương có khu KTCK hay các tuyến hành lang kinh tế.

Trong thời gian qua, tại các khu KTCK, hoạt động xuất nhập khẩu với các nước láng giềng như Trung Quốc, Lào và Campuchia đã được đẩy mạnh.

Tại các khu KTCK ở biên giới Việt - Trung, tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất nhập khẩu, mua bán, trao đổi hàng hóa hàng năm đều tăng mạnh. Theo Bộ Công Thương, năm 2016, kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Trung Quốc đạt gần 72 tỷ USD. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2017 cán mốc 93,8 tỷ USD, tăng 21,79 tỷ USD so với năm 2016. Trong 9 tháng của năm 2018, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu sang Trung Quốc đạt hơn 75 tỷ USD. Trong đó, thương mại biên giới chiếm tỷ trọng khoảng 30% tổng kim ngạch thương mại Việt - Trung [5].

Tại một số khu KTCK ở biên giới Việt - Lào, như Cầu Treo (Hà Tĩnh), Lao Bảo (Quảng

Tri), Bờ Y (Kon Tum)..., việc Hiệp định thương mại biên giới Việt Nam - Lào được ký kết vào tháng 6/2015 đã tạo hành lang pháp lý, tạo cơ hội tăng cường hợp tác trong lĩnh vực thương mại, đầu tư và dịch vụ hỗ trợ thương mại tại khu vực biên giới. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Lào năm 2017 đạt 935,8 triệu USD, tăng 13,6% so với năm 2016. Trong 8 tháng của năm 2018, con số này đạt 655,8 triệu USD, tăng 12,9% so với cùng kỳ.

Trên đà phát triển chung, quan hệ thương mại Việt Nam - Campuchia cũng đã có bước tăng trưởng tích cực. Trao đổi thương mại qua biên giới tại các khu KTCK ở biên giới Việt Nam - Campuchia như Bờ Y (Kon Tum), Mộc Bài (Tây Ninh), An Giang (An Giang)... cũng đã có sự phát triển nhất định. Theo Thương vụ Việt Nam tại Campuchia, năm 2018, kim ngạch xuất nhập khẩu giữa hai nước đạt 4,704 tỷ USD, tăng hơn 23,8% so với năm 2017 [7]. Đây là bước phát triển mạnh trong quan hệ thương mại giữa hai nước.

3.3. Phát triển dịch vụ tại các khu kinh tế cửa khẩu

Hình thành các loại hình dịch vụ tại các khu KTCK là một trong những nội dung của việc phát triển các khu KTCK. Trong đó, phát triển KTCK gắn với phát triển du lịch là yêu cầu khách quan trong phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương vùng biên giới. Với vai trò là đầu mối giao lưu kinh tế qua biên giới giữa các nước, người nước ngoài đến du lịch tại các khu KTCK không chỉ dừng lại ở mục đích sử dụng tài nguyên du lịch mà còn gắn liền với các hoạt động đầu tư, kinh doanh. Du lịch tại khu KTCK còn góp phần thúc đẩy các hoạt động du lịch ở địa phương có khu KTCK. Để đáp ứng các yêu cầu phát triển khu KTCK, các quốc gia còn ban hành nhiều chính sách phát triển các ngành dịch vụ trong khu KTCK như dịch vụ tài chính, dịch vụ thông tin, dịch vụ bảo hiểm, dịch vụ vận tải... Trong thời gian qua, một số khu KTCK như Lào Cai (Lào Cai), Móng Cái, Bắc Phong Sinh (Quảng Ninh) Đồng Đăng (Lạng Sơn), Cao Bằng (Cao Bằng), Thanh Thủy (Hà Giang), Mộc Bài (Tây Ninh)... đã đẩy mạnh phát triển KTCK gắn với phát triển các sản phẩm, dịch

vụ, kết cấu hạ tầng phục vụ cho du lịch. Với định hướng đó, các địa phương đang khẩn trương xây dựng Quy hoạch tổng thể chung khu KTCK, hình thành một không gian kinh tế tổng hợp có vai trò là hạt nhân kinh tế thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. Một phần không thể thiếu trong Quy hoạch tổng thể chung, đó là xây dựng không gian kiến trúc và quy hoạch sử dụng đất khu chức năng với hệ thống hạ tầng kỹ thuật và xã hội đồng bộ nhằm đẩy mạnh sự phát triển của du lịch.

Bên cạnh đó, dịch vụ hỗ trợ thương mại tại cửa khẩu biên giới cũng là một bộ phận quan trọng thuộc dịch vụ phát triển kinh doanh, được doanh nghiệp sử dụng để hỗ trợ thuận lợi hóa hoạt động kinh doanh và được cung cấp một cách chính thức. Dịch vụ thương mại cùng với sự phát triển của sản xuất hàng hóa ngày càng đa dạng và phong phú. Phát triển các dịch vụ thương mại bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Phát triển các dịch vụ xuất nhập khẩu như: Các dịch vụ công (hạ tầng cơ sở, cấp C/O - giấy chứng nhận xuất xứ nguồn gốc hàng hóa, hải quan), dịch vụ hỗ trợ thâm nhập thị trường (nghiên cứu thị trường, tư vấn, môi giới, đại lý mua và bán, ủy thác xuất nhập khẩu, tài chính...), dịch vụ thanh toán (đổi tiền, gửi tiền, chuyển khoản, thanh toán...).

- Phát triển các dịch vụ logistics, trước hết là các dịch vụ giao nhận kho vận gắn với phát triển dịch vụ vận tải hàng hóa phục vụ hoạt động xuất nhập khẩu với thị trường các nước trong khu vực, nước láng giềng...

- Phát triển các dịch vụ thương mại hiện đại dưới các hình thức đa dạng như dịch vụ, dịch vụ tư vấn khách hàng, dịch vụ thông tin thị trường, dịch vụ trưng bày giới thiệu và quảng cáo hàng hóa...

- Phát triển mạng lưới dịch vụ đại lý mua, bán hàng hóa, góp phần đáp ứng nhu cầu vật tư hàng hóa cho sản xuất, đời sống dân cư và tiêu thụ sản phẩm hàng hóa của tỉnh và các tỉnh, thành phố khác trong cả nước.

- Phát triển các trung tâm, khu thương mại - dịch vụ tổng hợp, gắn kết hoạt động sản xuất với lưu thông hàng hóa, với tiêu sản phẩm và tiêu dùng của dân cư.

- Phát triển các liên kết kinh doanh dịch vụ thương mại với các lĩnh vực dịch vụ khác như bưu chính - viễn thông, vận tải, tài chính - ngân hàng trên cơ sở khai thác những lợi ích kinh tế của địa phương.

- Gia công trong thương mại. Tại các khu KTCK, hoạt động gia công thương mại có ý nghĩa rất lớn trong việc gia tăng giá trị hàng hóa.

Tại hầu hết các khu KTCK, các dịch vụ hỗ trợ như bốc dỡ hàng hóa, thông quan, vận tải, kho vận, đóng gói, chế biến, thanh toán... cũng phát triển. Và theo đó, nhiều cơ hội việc làm đã được tạo ra, góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho dân cư tại các địa phương biên giới.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, hệ thống dịch vụ tại các khu KTCK vẫn còn tồn tại một số hạn chế như: Hệ thống kho bãi tại một số cửa khẩu chưa đáp ứng được nhu cầu, đặc biệt là hệ thống kho lạnh, kho mát chưa được đầu tư. Các dịch vụ hỗ trợ xuất nhập khẩu như dịch vụ ngân hàng, dịch vụ bảo hiểm, dịch vụ logistics còn kém phát triển. Việc mua bán, trao đổi một số mặt hàng nông sản, trái cây tươi của Việt Nam vẫn theo hình thức đi chợ, không có hợp đồng mua bán; dịch vụ thanh toán còn nhiều bất cập, gây rủi ro cho doanh nghiệp; thông tin về thương mại biên giới phục vụ công tác quản lý và điều hành còn thiếu... Đây là những vấn đề mà trong thời gian tới chúng ta phải tiếp tục giải quyết, tháo gỡ nhằm phát triển thương mại biên giới, xứng với tiềm năng của nó.

3.4. Phát triển không gian lãnh thổ kinh tế và dân cư tại khu kinh tế cửa khẩu

Phát triển không gian lãnh thổ khu KTCK nhằm tạo ra sự hợp tác nguồn lực của các bên. Nguyên tắc chung của phát triển không gian lãnh thổ của khu KTCK là phải tôn trọng chủ quyền lãnh thổ, lãnh hải, thềm lục địa, vùng trời theo hiệp định đã ký và các quy ước quốc tế. Việc tiến hành quy hoạch xây dựng các khu KTCK sẽ tạo nên các đô thị mới với việc thu hút dân cư, góp phần làm tăng tiềm lực kinh tế,

quốc phòng tại vùng biên giới. Vì vậy, phát triển khu KTCK phải lấy hoạt động thương mại, giao lưu trao đổi hàng hóa làm hoạt động chủ yếu, từ đó xác định quy hoạch xây dựng hợp lý các phân khu chức năng, tạo điều kiện phát huy tối đa tiềm lực của từng địa phương vùng cửa khẩu. Các khu KTCK có cơ cấu chức năng các phân khu tuy khác nhau về quy mô song đều giống nhau về các phân khu chính, chẳng hạn như đều có khu trung tâm cửa khẩu, khu phi thuế quan, khu bảo thuế, khu công nghiệp, khu dân cư... - tất cả đều có thể phát triển thương mại dịch vụ, du lịch và công nghiệp.

Hiện nay, tại một số khu KTCK ở các tỉnh Quảng Ninh, Lào Cai, Cao Bằng, Lạng Sơn, Tây Ninh... đã và đang quy hoạch xây dựng các phân khu chức năng như: khu tài chính quốc tế, khu mậu dịch qua biên giới, khu du lịch qua biên giới, khu logistic hiện đại, khu sản xuất gia công xuất khẩu, khu cơ quan hành chính quản lý, khu hội chợ triển lãm quốc tế. Về hạ tầng ngoài cửa khẩu, các khu này đã xây dựng được hệ thống giao thông (một số trục đường chính), trung tâm logistic. Một số công trình hạ tầng khác cũng đã được xây dựng như hệ thống kho, bãi, cửa hàng dịch vụ. Tuy nhiên, việc đầu tư xây dựng còn gặp nhiều khó khăn, hạ tầng chưa được đầu tư đồng bộ. Nguồn vốn bố trí hàng năm để đầu tư kết cấu hạ tầng còn thiếu, chưa đáp ứng được nhu cầu đầu tư hàng năm, đặc biệt đối với hệ thống giao thông trên địa bàn tỉnh ra các lối mở được phép thông quan hàng hóa. Môi trường kinh doanh tại khu KTCK chưa thuận lợi, xa trung tâm kinh tế của vùng và cả nước, mạng lưới vận tải duy nhất chỉ có đường bộ, cước phí vận tải cao nên khó cạnh tranh so với các tỉnh khác. Nguồn nhân lực còn hạn chế, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao.

Đồng thời, việc lập quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết trong khu KTCK còn chậm triển khai và chất lượng chưa cao. Một số khu KTCK còn thiếu quy hoạch xây dựng chung dẫn đến các dự án đầu tư xây dựng được lập chỉ dựa vào quy hoạch chi tiết các khu chức năng nên có hiện tượng đầu tư dàn trải, thiếu đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội.

4. Mô hình khu kinh tế cửa khẩu

Cho đến nay, trong các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước không có quy định cụ thể nào về các mô hình khu KTCK. Đặc trưng của các khu KTCK là gắn với các cửa khẩu và hoạt động thương mại, dịch vụ là chủ yếu, do đó tùy vào điều kiện cụ thể của từng địa phương về trình độ tổ chức, quy mô phát triển (cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính) và chính sách của nước láng giềng, các địa phương có thể xây dựng và phát triển khu KTCK theo các mô hình khác nhau. Về lý thuyết, có thể tồn tại 3 mô hình khu KTCK như sau:

4.1. Mô hình khu kinh tế cửa khẩu biệt lập

Là khu KTCK có hàng rào cứng cách ly với bên ngoài, không có dân sinh sống, thường có quy mô nhỏ từ vài trăm đến vài nghìn hecta. Quan hệ trao đổi hàng hóa, dịch vụ giữa khu KTCK và thị trường trong và ngoài nước là quan hệ xuất khẩu, nhập khẩu; có tổ chức hải quan thực hiện việc kiểm tra, giám sát hàng hóa. Vì vậy, khu KTCK vừa là khu phi thuế quan, vừa là khu chế xuất. Mô hình này có ưu điểm là nhỏ gọn, đơn giản và dễ quản lý, dễ thu hút vốn đầu tư từ khu vực tư nhân vào phát triển kinh doanh cơ sở hạ tầng, công nghiệp, thương mại, dịch vụ... Với tính chất biệt lập không có dân cư sinh sống, mô hình này là bước đệm thuận lợi cho việc hình thành một khu kinh tế chung với nước láng giềng có quy mô rộng lớn hơn.

Tuy nhiên, khu KTCK này có một số hạn chế: khu KTCK vừa là khu chế xuất nhưng lại không có nhiều diện tích để phát triển sản xuất công nghiệp; người, phương tiện, hàng hóa từ nội địa qua cửa khẩu và từ bên kia biên giới vào nội địa phải kiểm tra hai lần. Do đó, vấn đề đặt ra đối với quản lý nhà nước nếu áp dụng mô hình này là cần phải đầu tư đồng bộ cơ sở hạ tầng dùng chung, trang thiết bị, phương tiện kiểm tra, kiểm soát cho các lực lượng chức năng trước khi đi vào hoạt động; xây dựng các chính sách ưu đãi và cơ chế phân cấp quản lý, phối hợp hoạt động đối với khu KTCK, đồng thời phải đảm bảo tính ổn định về cơ chế chính sách để các hoạt động tại khu KTCK được

thông suốt. Đến nay, mô hình này mới chỉ áp dụng ở một số ít nơi trên thế giới, và thường là ở các cửa khẩu mà cả hai bên đều bố trí một khu biệt lập với mục tiêu tiến tới thành lập một khu hợp tác kinh tế chung của hai quốc gia láng giềng. Ví dụ như khu vực cửa khẩu Trung - Nga tại Suifenne và Pogradichny, bắt đầu xây dựng từ năm 2004 với mục tiêu tiến tới thành lập một khu kinh tế chung giữa hai nước này.

4.2. Mô hình khu kinh tế cửa khẩu thông thường

Là khu KTCK có dân cư sinh sống, thường có quy mô lớn đến hàng chục nghìn hecta, không có hàng rào cứng cách ly với bên ngoài. Phân khu chức năng trong khu KTCK có thể bao gồm: khu phi thuế quan; khu chế xuất; khu công nghiệp; khu thương mại, dịch vụ, du lịch; khu kiểm soát xuất nhập khẩu và xuất nhập cảnh, khu hành chính; khu đô thị, khu dân cư; và các khu chức năng khác... Phía bên kia biên giới có thể có hoặc không có khu kinh tế đối xứng. Đây là mô hình phổ biến nhất trên thế giới cũng như ở Việt Nam hiện nay. Những nơi có hai khu KTCK loại này đối xứng nhau qua đường biên giới là có điều kiện dễ tiến tới thành lập khu hợp tác kinh tế qua biên giới. Một biến thể của khu KTCK loại này là toàn bộ ranh giới của khu KTCK là khu phi thuế quan, khi đó khu KTCK cũng có 2 cổng kiểm soát như đối với mô hình khu KTCK biệt lập, ngoài ra có thể có các chốt chặn ở các tuyến đường phụ và lối mòn do hải quan kiểm soát để đảm bảo hàng hóa chỉ đi qua cổng A và cổng B.

Khu KTCK thông thường có thể hoạt động ngay mà chưa cần phải xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng. Hạn chế của khu KTCK này là: phải đầu tư nhiều công trình hạ tầng, cần vốn lớn, khó thu hút đầu tư tư nhân vào phát triển cơ sở hạ tầng cũng như thu hút sản xuất công nghiệp trong khu KTCK. Do không có hàng rào cứng cách ly với bên ngoài nên tình trạng buôn lậu theo các lối mòn đường rừng núi, sông suối diễn ra phức tạp hơn. Bên cạnh đó, do hạ tầng, phương tiện, thiết bị, chính sách và trình độ quản lý của các lực lượng chức năng hai bên biên giới thường có nhiều sự khác biệt nên khó kiểm soát chung. Khu kinh tế có dân cư sinh sống, có chính quyền địa phương (cấp xã) nên có sự

song trùng trong quản lý, có sự hiện diện của nhiều cơ quan quản lý đối với khu KTCK. Vì vậy, quản lý nhà nước đối với mô hình khu KTCK này sẽ nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp hơn so với mô hình khu KTCK biệt lập.

Hiện nay, ở Việt Nam chủ yếu là các khu KTCK theo mô hình này.

4.3. Mô hình khu hợp tác kinh tế biên giới

Theo mô hình khu KTCK thông thường như đã nêu trên, mỗi nước tự quy hoạch, áp dụng các chính sách và biện pháp riêng để phát triển khu KTCK của từng nước. Mặc dù cả hai bên đều có sự hợp tác nhất định nhưng hoạt động của khu KTCK vẫn mang tính đơn phương. Do đó, để đẩy mạnh hợp tác kinh tế biên giới song phương, Chính phủ Trung Quốc đã khởi xướng mô hình khu hợp tác qua biên giới với các nước như Lào, Myanmar, Kazakhstan, Nga, Việt Nam... Đó là một khu kinh tế được cách ly với bên ngoài (nội địa của mỗi bên) và hoạt động theo một cơ chế, chính sách chung.

Khu hợp tác kinh tế này được xây dựng theo mô hình “hai nước một khu, tự do thương mại, vận hành khép kín” và được thành lập trên cơ sở hai khu KTCK đối xứng nhau qua cửa khẩu biên giới. Hai nước có chung đường biên giới tự nguyện hợp tác, cùng nhau trao đổi, thỏa thuận quy hoạch, lựa chọn các chính sách và biện pháp quản lý chung, thúc đẩy mở cửa và tăng cường hợp tác khu vực biên giới. Đây là mô hình mới đang được nghiên cứu áp dụng ở nước ta. Do có diện tích lớn nên khu hợp tác kinh tế qua biên giới có nhiều phân khu chức năng (khu công nghiệp; khu thương mại; khu dịch vụ, du lịch; khu hành chính; khu đô thị, khu dân cư; khu vực thông quan hàng hóa; khu vực kho bãi; các trung tâm thương mại, khu vui chơi giải trí và các khu chức năng khác...). Chính phủ hai nước sẽ cùng phối hợp quản lý, khai thác, phân chia lợi nhuận, áp dụng các chính sách ưu đãi để thu hút doanh nghiệp.

Khu kinh tế xuyên biên giới có nhiều đặc điểm cơ bản giống như khu KTCK biệt lập; điểm khác nhau là hai bên ký thỏa thuận một số chính sách ưu đãi về kinh tế và cơ chế quản lý để áp dụng chung cho toàn khu. Khu hợp tác kinh tế qua biên giới có diện tích rộng lớn

(hàng chục đến hàng trăm km²), có dân cư sinh sống, được cách ly với bên ngoài bởi địa hình tự nhiên là các dãy núi hoặc sông suối hiểm trở (có thể kết hợp cả với những bức tường rào cứng) và hoạt động theo một số chính sách chung, thường có nhiều công kiểm soát nội địa trên những tuyến đường chính vào khu hợp tác kinh tế qua biên giới và các chốt gác ở các tuyến đường phụ, các lối mòn để ngăn chặn thâm lậu hàng hóa ra bên ngoài.

Mô hình khu hợp tác kinh tế qua biên giới có một số ưu điểm như: Thuận lợi trong việc thu hút đầu tư và sản xuất, kinh doanh thương mại, dịch vụ, du lịch, góp phần cải thiện cơ sở hạ tầng, thuận lợi hóa thương mại, thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài vào khu vực biên giới, góp phần cải thiện cán cân thương mại giữa hai nước và đóng góp vào sự phát triển chuỗi cung ứng vùng và toàn cầu, từ đó đóng góp quan trọng vào việc hình thành nên các hành lang kinh tế của hai nước. Mặt khác, khu hợp tác kinh tế qua biên giới có diện tích rộng lớn nên bố trí được nhiều khu chức năng, về dài hạn sẽ đưa lại nhiều lợi ích hơn.

Tuy nhiên, mô hình khu hợp tác qua biên giới cũng có một số hạn chế như: Sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế - xã hội và thể chế chính trị giữa các nước tại khu vực biên giới là rào cản đối với việc hình thành nên khu hợp tác kinh tế qua biên giới. Trong đó, nổi cộm là việc áp dụng cơ chế, chính sách chung như thế nào cho khu hợp tác kinh tế qua biên giới. Xuất phát từ diện tích rộng lớn của nó, phải bố trí nhiều cửa kiểm soát, chốt chặn nạn buôn lậu và gian lận thương mại nên khó khăn cho công tác kiểm tra, kiểm soát, chi phí đầu tư sẽ gia tăng. Hoạt động của khu hợp tác kinh tế qua biên giới liên quan đến các đối tác xuyên quốc gia và các quan hệ phức tạp giữa nhiều đối tượng nên tiềm ẩn nhiều vấn đề phức tạp về kinh tế, xã hội, đặc biệt là về an ninh quốc phòng. Vì vậy, đòi hỏi chính phủ cả hai nước, nhất là nước có điều kiện kinh tế - xã hội kém hơn phải có lộ trình chuẩn bị kỹ lưỡng, thận trọng trước khi quyết định thành lập khu hợp tác kinh tế qua biên giới. Bắt đầu từ việc vận thành một khu KTCK biệt lập, tập trung đầu tư đồng bộ cơ sở hạ tầng cân xứng với bên kia biên giới, nghiên cứu kỹ

các chính sách ưu đãi, cơ chế quản lý và áp dụng thí điểm ở khu KTCK biệt lập trước khi thành lập khu hợp tác kinh tế qua biên giới để đảm bảo sự đồng thuận về mục tiêu và lợi ích của hai bên.

Hiện nay, ở Việt Nam có 4 tỉnh gồm Lào Cai, Lạng Sơn, Cao Bằng, Quảng Ninh đã xây dựng quy hoạch trình Chính phủ hình thành các khu hợp tác kinh tế qua biên giới.

5. Một số giải pháp đẩy mạnh hoạt động của các khu kinh tế cửa khẩu

5.1. Đối với Chính phủ

Thứ nhất, đề nghị Chính phủ có cơ chế cho phép các địa phương có các khu KTCK được sử dụng số thu ngân sách từ thuế và phí từ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu qua các cửa khẩu trong khu KTCK để tái đầu tư cơ sở hạ tầng khu KTCK trong thời gian từ 5 đến 10 năm. Đồng thời, Chính phủ cần có chính sách ưu đãi riêng về thu hút đầu tư vào khu KTCK, tạo thuận lợi hơn nữa cho các doanh nghiệp đầu tư và hoạt động thương mại trong khu KTCK. Bên cạnh đó, để đẩy mạnh và thu hút nhiều doanh nghiệp tham gia đầu tư hơn nữa, cần có những chính sách ưu đãi đặc thù dành riêng cho các khu KTCK để phát huy lợi thế về quan hệ kinh tế, thương mại cửa khẩu biên giới, thu hút các kênh hàng hóa, đầu tư, thương mại, dịch vụ và du lịch.

Thứ hai, hiện thực hóa hoạt động của các khu hợp tác kinh tế qua biên giới. Nhằm khai thác lợi thế khu vực biên giới đất liền trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, Việt Nam và Trung Quốc đang cùng nhau nghiên cứu xây dựng và phát triển các khu hợp tác kinh tế qua biên giới. Bốn tỉnh có khu hợp tác kinh tế qua biên giới gồm Lào Cai, Lạng Sơn, Cao Bằng, Quảng Ninh đều phát triển dựa trên các thế mạnh: Kinh tế qua biên giới, nông sản, du lịch, nhưng đang gặp khó khăn do giao thông hạn chế. Do đó, để hiện thực hóa hoạt động của các khu hợp tác kinh tế qua biên giới, Chính phủ cần tiếp tục quan tâm hỗ trợ đầu tư từ ngân sách trung ương xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông ra biên giới và dọc

tuyến biên giới. Bên cạnh đó, Chính phủ cần có cơ chế, chính sách ưu đãi mang tính đặc thù cho các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng ở các vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, có các giải pháp nhằm huy động các nguồn lực để phát triển hạ tầng thương mại, nhất là hệ thống logistic, chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ tại các xã vùng cao khó khăn.

Đồng thời, Chính phủ cần xem xét, điều chỉnh, ban hành một số chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, tăng nguồn kinh phí để đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại đối với các tỉnh biên giới Việt - Trung; ban hành chính sách cụ thể để các địa phương có điều kiện triển khai thực hiện hiệp định thương mại biên giới; tăng cường hợp tác giữa các cơ quan quản lý cửa khẩu của hai bên để thống nhất giải quyết thủ tục xuất, nhập khẩu, xuất nhập cảnh đảm bảo thông thoáng, không chông chéo; thành lập thêm cửa khẩu phụ để mở rộng phát triển kinh tế, thương mại hai bên biên giới.

5.2. Đối với các địa phương có khu kinh tế cửa khẩu

Thứ nhất, để đẩy mạnh thu hút đầu tư vào các khu KTCK từ các nhà đầu tư trong và ngoài nước, chính quyền tỉnh cần thực hiện tốt các hoạt động xúc tiến đầu tư, làm cho các nhà đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư nước ngoài thấy được những lợi ích lâu dài khi tham gia đầu tư, tổ chức sản xuất, kinh doanh tại các khu KTCK của tỉnh, bởi khi không còn được hưởng các ưu đãi đầu tư theo quy định mới đây của Chính phủ Việt Nam, các nhà đầu tư trong và ngoài nước tiếp tục đầu tư sản xuất vào khu KTCK mà vẫn đảm bảo lợi ích kinh tế. Đồng thời, UBND các tỉnh có thể nghiên cứu, hỗ trợ các nhà đầu tư về thủ tục, giấy phép đầu tư, cũng như khăn trương công bố quy hoạch chi tiết, hỗ trợ các nhà đầu tư trong việc thỏa thuận với dân cư về tiền đền bù đất và hỗ trợ nhà đầu tư khắc phục tình trạng lấn chiếm, tái lấn chiếm sau khi nhận tiền đền bù. Điều này giúp cho các nhà đầu tư nhân cảm thấy luôn có sự ủng hộ của chính quyền địa phương, họ sẽ yên tâm đầu tư vào các khu KTCK.

Thứ hai, một trong những nội dung của phát triển giao lưu kinh tế qua biên giới tại các khu

KTCK là đẩy mạnh các hoạt động trao đổi hàng hóa, dịch vụ qua biên giới, trong đó nhấn mạnh đến việc tăng quy mô và đa dạng hóa cơ cấu hàng xuất khẩu để phát triển mạnh các hoạt động thương mại, dịch vụ trong các khu KTCK cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động trao đổi hàng hóa qua biên giới, cần đẩy mạnh thu hút đầu tư để xây dựng và nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng trong khu KTCK và các khu vực cửa khẩu phục vụ cho các hoạt động xuất nhập khẩu như hệ thống giao thông, nhà kho, bến bãi, phương tiện bốc xếp tại các cửa khẩu, các điều kiện về cơ sở hạ tầng viễn thông và công nghệ thông tin, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu trong vận chuyển hàng hóa...

Bên cạnh việc xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng như đường giao thông, kho tàng, bến bãi cũng như các dịch vụ hỗ trợ thương mại tại khu KTCK, chính quyền địa phương cũng cần chỉ đạo các lực lượng chức năng tại cửa khẩu cải tiến và hoàn thiện các thủ tục xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh tại khu vực cửa khẩu. Bởi khi cơ sở hạ tầng được cải thiện, cùng với việc phát triển các dịch vụ hỗ trợ thương mại, sẽ góp phần thúc đẩy hoạt động trao đổi hàng hóa và dịch vụ, không chỉ từ các tỉnh giáp biên giới của hai nước, mà còn mở rộng ra các tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm trong cả nước.

Như vậy, việc phát triển các khu KTCK chính là nhằm đưa các hoạt động trao đổi thương mại qua biên giới một cách đúng hướng, đúng quy mô và cấp độ, có sự giám sát chặt chẽ (thuế quan, chất lượng, xuất xứ...), đặc biệt là công tác xúc tiến thương mại, quản lý nhà nước đối với khu KTCK, cung cấp kịp thời thông tin (giá cả, chính sách, sự thay đổi chính sách của chính quyền sở tại hai bên đối với thị trường khu vực), tạo điều kiện xây dựng hệ thống dịch vụ bảo đảm về tài chính, tín dụng để khắc phục những tiêu cực trong buôn bán qua biên giới và giúp cho các hoạt động này đạt hiệu quả, đem lại niềm tin cho các doanh nghiệp.

Thứ ba, bố trí nguồn lực thích hợp từ ngân sách địa phương, lồng ghép các nguồn vốn vay,

chương trình mục tiêu và các nguồn vốn hợp pháp khác để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, nâng cao khả năng kết nối giữa các khu, điểm du lịch, trọng tâm. Ví dụ như ở Lào Cai là Sa Pa, Bắc Hà, Bát Xát, thành phố Lào Cai; ở Quảng Ninh là Vịnh Hạ Long, du lịch Vân Đồn; ở Tây Ninh là Núi Bà Đen, Hồ Dầu Tiếng... Đồng thời, cần đầu tư hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hệ thống bãi đỗ xe, các trạm dừng nghỉ, nghiên cứu thúc đẩy mở tuyến vận tải hành khách, hàng hóa đường bộ quốc tế từ các cửa khẩu tới các tỉnh, thành phố trong cả nước.

Thứ tư, trong phát triển khu KTCK, cần quan tâm đến việc phát triển dân cư. Về cơ bản, phát triển dân cư tại các khu KTCK phải đảm bảo sự hài hòa giữa phân bố dân cư, phân bố lực lượng sản xuất và môi trường sinh thái. Xuất phát từ tính chất của khu KTCK, hoạt động trọng tâm là giao lưu thương mại nên tỷ lệ lao động phi nông nghiệp chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu dân cư, cơ cấu lao động trong khu KTCK. Để phát triển dân cư đô thị tại khu KTCK, cần chú ý tới những vấn đề then chốt từ ngay khâu quy hoạch, đó chính là quỹ đất cho xây dựng nhà ở, xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và cơ sở hạ tầng xã hội, hệ thống dịch vụ sản xuất và đời sống trong khu KTCK.

Thứ năm, đẩy mạnh và áp dụng một cách có hiệu quả các biện pháp chống buôn lậu và gian lận thương mại, làm lành mạnh hóa quan hệ trao đổi giữa Việt Nam với các nước láng giềng. Cần thiết phải xây dựng và thực hiện tốt Quy chế phối hợp quản lý giữa ban quản lý khu KTCK với bộ đội biên phòng, công an, hải quan cũng như với sở, ban, ngành, ủy ban nhân dân các huyện và thành phố. Tăng cường thực hiện phân công, phân cấp và phối hợp trong quản lý nhà nước đối với các khu KTCK.

Thứ sáu, đẩy mạnh công tác bảo vệ môi trường tại các khu KTCK. Khi tiến hành đầu tư xây dựng khu KTCK, cần phải kết hợp đồng thời với công tác bảo vệ môi trường trong và ngoài khu KTCK. Các hướng chính sách bảo vệ môi trường của khu KTCK gồm: Bảo vệ chất lượng nước, không khí, đất; bảo vệ đa dạng sinh học; bảo vệ môi trường đô thị; lựa chọn công nghệ sạch, cụ thể hóa các quy định về

nhập khẩu công nghệ, thiết bị theo các tiêu chuẩn về hệ số tiêu hao năng lượng, hệ số thải; ban hành các tiêu chuẩn chất thải cho khu KTCK theo các ngành và lĩnh vực; xây dựng chính sách về tài chính, khuyến khích miễn giảm thuế hoặc cho vay vốn với việc nhập thiết bị và công nghệ xử lý chất thải.

Tài liệu tham khảo

- [1] Chính phủ, Quyết định số 52/2008/QĐ-TTg ngày 25 tháng 4 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về “phê duyệt đề án Quy hoạch phát triển các khu KTCK của Việt Nam đến năm 2020”, 2008.
- [2] Trần Báú Hà, “Quản lý nhà nước đối với khu KTCK quốc tế Cầu Treo”, Luận án Tiến sĩ, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2017.
- [3] Hà Văn Hội, “Phát triển các khu KTCK phía Bắc”, Tạp chí Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông, số 2 (2018).
- [4] Phạm Huyền, “Xuất khẩu biên mậu sang Trung Quốc: “Con dao hai lưỡi””, VEF vef@vietnamnet.vn, 2010.
- [5] Doãn Công Khánh, “Khu hợp tác kinh tế qua biên giới Việt Nam - Trung Quốc: Thực trạng và triển vọng”, Tạp chí Cộng sản, Số 1 (2017).
- [6] Đặng Xuân Phong, “Phát triển các khu KTCK trong bối cảnh Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế”, Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, 2014.
- [7] Thương vụ Việt Nam tại Campuchia, “Xuất nhập khẩu giữa Việt Nam - Campuchia năm 2018”, <http://vietnamexport.com/xuat-nhap-khau-giua-viet-nam-campuchia-nam-2018-/vn2530140.html>, ngày 21/1/2019.